

Bản án số: 50/2025/DS-ST

Ngày: 11 – 9 - 2025

“V/v Tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Hoàng và ông Nguyễn Tấn Phát.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Đắk Lắk mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 132/2025/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-DS ngày 30/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-DS ngày 19/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1979. Địa chỉ: A N, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

\*Đại diện theo uỷ quyền: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: 2 T, Phường T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên toà.

- Bị đơn: Ông Võ Toàn T1, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1983. Địa chỉ: C T, Phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Nguyên đơn bà Lê Thị Kim T do người đại diện theo uỷ quyền Bà Ngô Thị L thống nhất trình bày:** Vào ngày 02/10/2023, vợ chồng ông Võ Toàn T1, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1983 ở địa chỉ thường trú C T, Phường F, thành phố T, Phú Yên (Nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) có thể chấp cho bà 01 chiếc xe ô tô Xpandel 7 chỗ màu đen, biển số 78A-06858, số khung MK2XNNCUWKN006265, số máy 4A9IGQ7990 với số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn đến ngày 09/10/2023, vợ chồng Võ Toàn T1 lấy xe, cam kết hoàn trả đủ số tiền nói trên cho bà T và nhận lại xe. Tuy nhiên, đến hạn nhưng vợ chồng ông T1, bà T2 chưa trả cho bà T số tiền 250.000.000 đồng để lấy lại xe. Bà T gọi điện, liên hệ nhiều lần nhưng ông T1, bà T2 hẹn thời gian trả rồi sau đó thì không nghe, không bắt máy.

Ông T1, bà T2 có thể chiếc xe ô tô, còn giấy tờ bản gốc thì không giữ, do bà T tin tưởng vợ chồng Thiện T3 nên cho mượn tiền, không giữ giấy tờ gốc, ông T1, bà T3 không nói cho bà T biết xe ô tô này đang thế chấp ở Ngân hàng. Đến năm 2025 không rõ thời gian cụ thể, cơ quan thi hành án, Ngân hàng S gọi điện thoại, trực tiếp gặp trao đổi với bà T và bà T đã giao nộp chiếc xe này. Nay, bà T chỉ yêu cầu vợ chồng ông T1, bà T3 phải trả số tiền 250.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn vợ chồng ông Võ Toàn T1 và bà Nguyễn Thị T2 vắng mặt nên không có trình bày:

Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa (Nay là Toà án nhân dân Khu vực 11 – Đắc Lắc) đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn Võ Toàn T1 và Nguyễn Thị T2 vắng mặt tại địa phương, Toà án tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn ông Võ Toàn T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải trả số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đắc Lắc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Về quan hệ tranh chấp: HĐXX xác định là vay tài sản là không đúng mà bản chất là cầm cố tài sản. Về việc giải quyết vụ án: Nay xe đã bị thu hồi thi hành án, hợp đồng cầm cố vô hiệu nên hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 166, 309, 315 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Võ Toàn T1 và Nguyễn Thị T2 có nghĩa vụ phải trả số tiền 250.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên đề nghị không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Lê Thị Kim T khởi kiện yêu cầu bị đơn Võ Toàn T1 và Nguyễn Thị T2 trả số tiền 250.000.000 đồng. Xét đây là tranh chấp đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Võ Toàn T1 và Nguyễn Thị T2 có địa chỉ thường trú tại C T, phường T, tỉnh Đắc Lắc. Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Đắc Lắc giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc tham gia tố tụng tại Tòa án: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Võ Toàn T1, Nguyễn Thị T2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần 2, không rõ lý do. Do đó, HĐXX căn cứ và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Nội dung vụ án: Xét ông Võ Toàn T1, bà Nguyễn Thị T2 có xác lập giấy thế chấp xe ô tô Xpandel 7 chỗ màu đen, biển số 78A-06858, số khung MK2XNNCUWKN006265, số máy 4A9IGQ7990 cho bà Lê Thị Kim T với số tiền

là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), hẹn đến ngày 09/10/2023 thì nhận xe, trả đủ tiền nhưng nay vẫn không trả tiền và nhận lại xe. Các tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định chiếc xe có đặc điểm nêu trên là tài sản thế chấp của ông Võ Toàn T1 và bà Nguyễn Thị T2 cho khoản vay tại Ngân hàng và đã được xét xử tại bản án số 20/2024/KDTM-ST ngày 10/9/2024 của TAND thành phố Tuy Hoà. Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đ đã có văn bản số 42/THADS-KH-12 ngày 19/8/2025 xác định xe ô tô con hiệu MITSUBISHI XPANDER, biển số 78A-068.58 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 01789 do Phòng C Công an tỉnh P (Nay là Công an tỉnh Đ) cấp ngày 30/01/2023 (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/TC-22 ngày 24/01/2022) là tài sản thế chấp của bị đơn Võ Toàn T1 và Nguyễn Thị T2. Hiện nay, xe đang tạm giữ tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12- Đắc Lắc, đang hoàn tất các thủ tục để tiến hành cưỡng chế kê biên xử lý tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên toà, nguyên đơn thừa nhận cho bị đơn thế chấp xe để lấy số tiền 250.000.000 đồng nhưng không nhận giấy tờ gì liên quan đến xe thế chấp, không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Khi biết chiếc xe là tài sản thi hành hành án cho khoản nợ của ông T1, bà T2 thì nguyên đơn cũng đồng ý giao xe lại cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Bị đơn biết là xe đang thế chấp cho Ngân hàng nhưng vẫn chuyển giao cho bà T là không đúng quy định. Do đó, giấy thế chấp xe thiết lập giữa bà Lê Thị Kim T và ông Võ Toàn T1, bà Nguyễn Thị T2 vô hiệu, Xét giấy tờ thì hình thức là thế chấp xe nhưng bản chất là ông T1, bà T2 đưa chiếc xe cho nguyên đơn để làm tin nhận số tiền 250.000.000 đồng, xe đã bị thu hồi để thi hành cho khoản nợ khác nên xét nghĩa vụ của ông T1, bà T2 đối với số tiền 250.000.000 đồng vẫn hiện hữu và ông T1, bà T2 phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị Kim T là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Lãi của khoản tiền 250.000.000 đồng: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xét.

[6] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[7] Về án phí: Bị đơn Võ Toàn T1 và Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Các Điều 166, 351, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị Kim T; buộc bị đơn Võ Toàn T1 và Nguyễn Thị T2 phải trả cho nguyên đơn số tiền 250.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Võ Toàn T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 12.500.000 án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho nguyên đơn Lê Thị Kim T số tiền 6.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0006100 ngày 29/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, Phú Yên (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Đắk Lắk).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 11 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 11 – Đắk Lắk
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Thị Ngọc Uyên**